



Original Article

Clinical Features of Chronic Sinusitis in Adult Patients in the National Otorhinolaryngology Hospital of Vietnam in 2019

Le Hai Nam^{1,*}, Vo Thanh Quang¹, Nguyen Tuan Son¹, Dao Dinh Thi²

¹*VNU School of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*National Otorhinolaryngology Hospital of Vietnam, 78 Giai Phong, Dong Da, Hanoi, Vietnam*

Received 12 April 2020

Revised 25 May 2020; Accepted 20 June 2020

Abstract: This study describes the clinical features of chronic sinusitis in adult patients in the National Otorhinolaryngology Hospital of Vietnam. The transverse descriptive method was used to describe the clinical features of chronic sinusitis in the adult patients aged 18 and over, suffering from chronic sinusitis in the Inpatient Department, the National Otorhinolaryngology Hospital of Vietnam from August 2019 to December 2019. The average age of the patients was 47.17 ± 15.32 , with a male to female ratio of 1.1:1; and the most common reasons for being hospitalized were runny nose (72.4%) and stuffy nose (87.9%). The study concludes that the clinical characteristics of chronic sinusitis in the patients were runny nose, stuffy nose, headache, smell disorder and cough in both men and women, with illness duration ranging from 6 months to many years.

Keywords: Chronic sinusitis in adults, stuffy nose, smell disorders.

* Corresponding author.

E-mail address: hainamle20021996@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4230>

Đặc điểm lâm sàng trong viêm mũi xoang mạn tính ở người lớn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương năm 2019

Lê Hải Nam^{1,*}, Võ Thanh Quang¹, Nguyễn Tuấn Sơn¹, Đào Đình Thi²

¹Khoa Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương, 78 Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 12 tháng 4 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 5 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 6 năm 2020

Tóm tắt: Mục tiêu: mô tả đặc điểm lâm sàng ở người lớn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang để mô tả đặc điểm lâm sàng ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính điều trị nội trú - Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương. Kết quả: nghiên cứu trên 58 bệnh nhân từ 18 tuổi trở lên bị viêm mũi xoang mạn tính điều trị nội trú tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019. Độ tuổi trung bình của các bệnh nhân là $47,17 \pm 15,32$, với tỉ lệ nam:nữ là 1,1:1; lý do vào viện chính là do ngạt mũi (87,9%) và chảy mũi (72,4%). Các triệu chứng viêm mũi xoang mạn tính ở người lớn là chảy mũi, ngạt mũi, đau nhức đầu, rối loạn ngủ, ho, hắt hơi. Kết luận: đặc điểm lâm sàng của viêm mũi xoang mạn tính ở người lớn các triệu chứng thường gặp là chảy mũi, ngạt mũi, đau nhức sọ mặt và rối loạn ngủ, thời gian mắc bệnh kéo dài từ 6 tháng đến nhiều năm gặp ở cả nam và nữ.

Từ khóa: Viêm mũi xoang mạn tính, ngạt chảy mũi, rối loạn ngủ,...

1. Mở đầu

Viêm mũi xoang (VMX) là sự phản ứng viêm của niêm mạc hốc mũi và xoang có thể có hoặc không bao gồm tổn thương xương. Ngày nay, thuật ngữ “viêm mũi xoang” đã được thay thế cho thuật ngữ “viêm xoang” do niêm mạc mũi và xoang đều có cấu trúc là niêm mạc hô hấp và liên hệ mật thiết với nhau về giải phẫu, sinh lý cũng như cơ chế sinh bệnh. Theo hội mũi xoang châu Âu, dựa vào thời gian mắc bệnh, viêm mũi xoang được chia làm viêm mũi xoang cấp và viêm mũi xoang mạn tính.

Viêm mũi xoang mạn tính (VMXMT) là tình trạng viêm niêm mạc của mũi và các xoang cạnh

mũi kéo dài trên 12 tuần. VMXMT còn được phân thành hai thể là thể có polyp và thể không có polyp [1].

VMXMT là một trong những bệnh mạn tính hay gặp với tỷ lệ mắc bệnh ở châu Mỹ khoảng 14%, châu Âu khoảng 10,9% [1]. Ở Việt Nam tỷ lệ mắc bệnh ước tính 2-5% và 86,8% ở độ tuổi 18-50 [2]. Bệnh có xu hướng ngày càng tăng do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, khói thuốc lá,... Bệnh gây ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe, chất lượng sống do ngạt tắc mũi, chảy mũi mủ, đau nhức mặt, rối loạn giấc ngủ, mệt mỏi, kém tập trung, đồng thời có thể dẫn đến các biến chứng như

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: hainamle20021996@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4230>

viêm tai giữa, viêm đường hô hấp dưới, biến chứng mắt và nội sọ, ... [3].

Nhằm góp phần vào việc nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị viêm mũi xoang, chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài: “Đặc điểm lâm sàng trong viêm mũi xoang mạn tính ở người lớn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương năm 2019” được tiến hành với mục tiêu sau: Mô tả đặc điểm lâm sàng của viêm mũi xoang mạn tính ở người lớn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương năm 2019.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Bệnh nhân bị viêm mũi xoang mạn tính từ 18 tuổi trở lên điều trị nội trú tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương.

2.2. Thời gian và địa điểm

Nghiên cứu được thực hiện tại khoa mũi xoang Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương thời gian từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019.

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu gồm 58 bệnh nhân từ 18 tuổi trở lên, được khám và chẩn đoán viêm mũi xoang mạn tính theo EPOS 2012 [1], đang điều trị nội trú tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương, bệnh nhân đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.5. Các biến số và chỉ số nghiên cứu

+ Thông tin chung: họ tên, tuổi, giới tính, địa chỉ, dân tộc, số điện thoại liên hệ.

+ Đặc điểm lâm sàng: tiền sử thời gian mắc bệnh, các bệnh lý kèm theo, lý do vào viện, các triệu chứng mũi xoang mắc phải, đặc điểm của các triệu chứng đó, các triệu chứng toàn thân kèm theo nếu có, các điểm đau và vị trí sưng nề khi thăm khám.

2.6. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

Bộ câu hỏi bệnh án nghiên cứu, hồ sơ bệnh án của bệnh nhân, hỏi bệnh và thăm khám lâm sàng trực tiếp trên bệnh nhân

2.7. Phân tích số liệu

Số liệu được thu thập và nhập bằng Epidata 3.1, sau đó được phân tích bằng phần mềm STATA 13.0.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu được giới thiệu mục đích của quá trình thu thập thông tin. Phỏng vấn chỉ được thực hiện với sự đồng ý của đối tượng nghiên cứu. Mọi thông tin về đối tượng nghiên cứu đều được giữ bí mật.

3. Kết quả

3.1. Đặc điểm chung

Tỉ lệ mắc viêm mũi xoang mạn tính ở nam và nữ không có nhiều chênh lệch (nam : nữ là 1,1:1), với độ tuổi trung bình là $47,17 \pm 15,32$, gặp nhiều ở nhóm tuổi từ 46-60 tuổi chiếm tỉ lệ 31,0%. Tiền sử thời gian mắc các triệu chứng của bệnh kéo dài từ 6 tháng đến nhiều năm, và gặp nhiều nhất là trên 5 năm chiếm tỉ lệ 48,3%. Bệnh nhân có tiền sử mắc các bệnh lý kèm theo thường gặp là viêm mũi dị ứng (20,7%) và hút thuốc lá (32,8%). Lý do vào viện của bệnh nhân chủ yếu là chảy mũi và ngạt tắc mũi chiếm 72,4% và 87,9%, các lý do khác ít gặp hơn là đau nhức sọ mặt, rối loạn ngủ và ho, hắt hơi.

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Giới	Nam	31	53,4	
	Nữ	27	46,6	
Nhóm tuổi	Từ 18-30 tuổi	10	17,2	
	Từ 31-45 tuổi	14	24,1	
	Từ 46-60 tuổi	18	31,0	
	Trên 60 tuổi	16	27,6	
Tiền sử thời gian mắc bệnh	Dưới 12 tháng	2	3,4	
	Từ 1 – dưới 3 năm	17	29,3	
	Từ 3 -5 năm	11	19,0	
	Trên 5 năm	28	48,3	
	Tiền sử các bệnh lý kèm theo khác	Viêm mũi dị ứng	12	20,7
		Hen phế quản	9	15,5
Trào ngược dạ dày thực quản		6	10,3	
Hút thuốc lá		19	32,8	
Lý viện do vào	Chảy mũi	42	72,4	
	Ngạt tắc mũi	51	87,9	
	Đau nhức sọ mặt	9	15,5	
	Rối loạn ngủ	6	10,3	

Bảng 3.2. Đặc điểm các triệu chứng cơ năng ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính

Đặc điểm các triệu chứng cơ năng			Số BN	Tỷ lệ (%)
Chảy mũi (58/58 BN)	Vị trí	Chảy mũi trước	9	15,5
		Chảy mũi sau	14	21,1
		Chảy mũi trước và sau	35	60,3
Ngạt mũi (58/58 BN)	Mức độ	Nhẹ	6	10,3
		Vừa	27	46,6
		Nặng	25	43,1
Đau nhức sọ mặt (40/58 BN)	Mức độ	Nhẹ	17	19,3
		Vừa	15	25,9
		Nặng	8	13,8
	Vị trí	Trán	23	39,7
		Trước mặt	30	51,7
		Thái dương	19	32,8
		Hốc mắt	18	31,0
		Đỉnh chẩm	11	19,0
Rối loạn ngủ (47/58 BN)	Mức độ	Giảm ngủ	42	72,4
		Mất ngủ hoàn toàn	5	8,6
Ho, hắt hơi (41/58 BN)	Tính chất	Vừa phải	36	62,0
		Dai dẳng kéo dài	5	8,6

3.2. Đặc điểm các triệu chứng lâm sàng

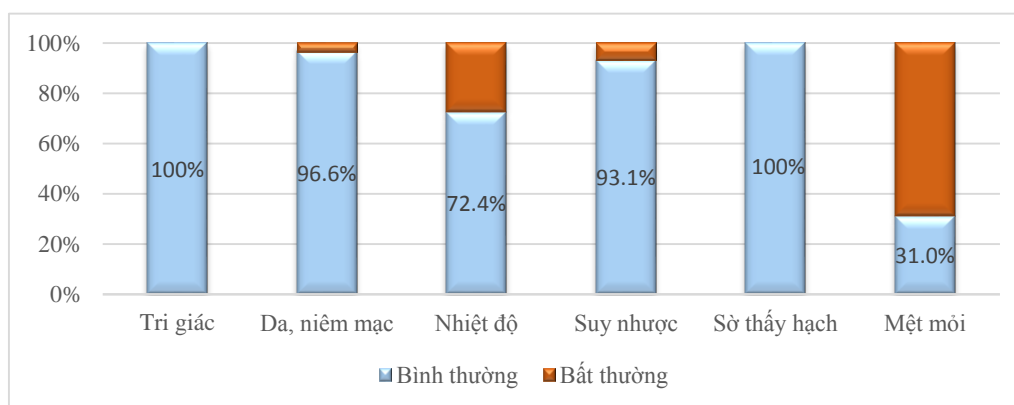
a. Đặc điểm các triệu chứng chính

Các triệu chứng gặp trong viêm mũi xoang bao gồm chảy mũi, ngạt mũi, đau nhức sọ mặt, rối loạn ngửi và ho, hắt hơi. Vị trí chảy mũi thường gặp là chảy mũi cả trước và sau chiếm 60,3% với thời gian chảy mũi là liên tục (69,0%). Đa số các bệnh nhân đều bị ngạt mũi mức độ vừa và nặng chiếm 89,7%. Vị trí đau nhức sọ mặt gặp nhiều ở trước mặt và trán chiếm 39,7% và 51,7% với các mức độ khác nhau. Bệnh nhân có các

triệu chứng rối loạn ngửi và ho, hắt hơi ở mức độ vừa phải, nhưng làm bệnh nhân khó chịu vì ảnh hưởng đến công việc và sinh hoạt.

b. Các triệu chứng toàn thân

Tất cả bệnh nhân đều có tri giác tỉnh, tiếp xúc tốt, không có lơ mơ hay giảm tri giác; hầu hết bệnh nhân có da, niêm mạc hồng (96,6%) và không suy nhược (93,1%); một số có triệu chứng sốt, thường gặp là sốt nhẹ dưới 38,5°C (27,6%); các triệu chứng khiến đa số bệnh nhân thấy mệt mỏi (69,0%).



Biểu đồ 3.1. Đặc điểm các triệu chứng toàn thân.

c. Triệu chứng thực thể

Bảng 3.3. Đặc điểm triệu chứng thực thể

Triệu chứng thực thể		Số BN	Tỉ lệ (%)
Ấn điểm đau	Điểm hố nanh	41	70,7
	Điểm Ewing	30	51,7
	Điểm Gruwald	22	37,9
Sung nề	Nửa mặt	2	3,4
	Vùng má 2 bên	12	20,7

Thường gặp bệnh nhân có đau khi ấn điểm hố nanh với 41/58 bệnh nhân chiếm 70,7%; điểm Ewing (bờ trong trên cung mày) và điểm Gruwald (bờ trong trên hố mắt) gặp ít hơn lần lượt là 51,7% và 37,9%. Ngoài ra một số bệnh nhân có kèm triệu chứng sưng vùng má 2 bên chiếm 20,7%.

4. Bàn luận

4.1. Đặc điểm chung

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 3.1 cho thấy tỉ lệ mắc viêm mũi xoang mạn tính gặp ở nam và nữ không chênh lệch nhiều (tỉ lệ nam:nữ là 1,1:1), với độ tuổi trung bình là $47,17 \pm 15,32$ và gặp nhiều nhất ở nhóm tuổi từ 45-60 chiếm 31,0%. Trong phần lớn các nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước cũng như y văn trên thế giới đều không nêu lên sự khác nhau về giới, kết quả này tương tự với nghiên cứu của Trịnh Thị Hồng Loan [4].

Thời gian mắc bệnh trung bình là $5,1 \pm 3,2$ năm, (thấp nhất là 6 tháng, cao nhất là 16 năm) trong đó nhóm >5 năm chiếm tỷ lệ cao nhất (48%), kết quả này thấp hơn so với của Ngô Văn Công nghiên cứu trên bệnh nhân có polyp mũi 2

bên là $9,56 \pm 7,69$ năm [5]. Như vậy phần lớn bệnh nhân đi khám muộn, khi triệu chứng mũi xoang đã nặng hơn, ảnh hưởng đến chức năng nhiều. Tiền sử bệnh lý kèm theo như: viêm mũi dị ứng, hen phế quản, trào ngược dạ dày thực quản chiếm tỷ lệ lần lượt là 20,7%, 15,5% và 10,3%, điều này cho thấy sự liên quan giữa bệnh viêm mũi xoang và các bệnh lý khác, nó cũng là nguyên nhân gây nên bệnh VMX.

Chúng tôi nhận thấy lí do chính khiến bệnh nhân đi khám gồm có ngạt tắc mũi (chiếm tỷ lệ 87,9%) và chảy nước mũi (72,4%). Đây là những khó chịu gây ảnh hưởng rất nhiều đến sinh hoạt và lao động ở bệnh nhân VMXMT. Kết quả trên cũng phù hợp với nghiên cứu của Đàm Thị Lan [6] và Võ Văn Khoa [7].

4.2. Đặc điểm các triệu chứng lâm sàng

a. Đặc điểm các triệu chứng cơ năng

Chảy mũi, ngạt mũi, đau nhức sọ mặt và rối loạn ngủ là bốn triệu chứng chính của VMXMT. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy ngạt tắc mũi gặp ở 100% bệnh nhân. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Võ Văn Khoa là 94,7% [7]. Tỷ lệ bệnh nhân chảy mũi gặp ở 100%, kết quả này phù hợp so với nghiên cứu của Đàm Thị Lan là 90% [6]. Triệu chứng rối loạn ngủ có ở 81,0% và có 69,0% bệnh nhân bị đau nhức sọ mặt, cao hơn so với Đàm Thị Lan [6]. Ngoài ra, triệu chứng ho, hắt hơi cũng thường gặp trên lâm sàng (70,7%) làm bệnh nhân khó chịu.

Vị trí chảy mũi thường gặp nhất là chảy cả mũi trước và sau có 35/58 chiếm 60,3%, vì vậy, trong viêm mũi xoang tình trạng viêm cả xoang trước và xoang sau gặp nhiều hơn là viêm từng vị trí của xoang, kết quả này tương tự nghiên cứu của Đàm Thị Lan [6]. Triệu chứng ngạt mũi được chia thành 3 mức độ: nhẹ, trung bình, nặng. Theo chúng tôi, tính chất chảy mũi là một triệu chứng quan trọng không những có giá trị trong chẩn đoán bệnh mà còn có giá trị trong việc đánh giá mức độ viêm mũi xoang, ngạt tắc mũi ở mũi gây nên vòng xoắn bệnh lý và làm tăng, nặng lên các

triệu chứng khác. Vị trí đau nhức sọ mặt gặp nhiều nhất là ở vùng trước mặt (51,7%), kết quả của chúng tôi khác với tác giả Võ Thanh Quang, vị trí đau hay gặp nhất là vùng đỉnh-chẩm chiếm 71,21% [8].

b. Triệu chứng toàn thân

Có 16/58 bệnh nhân có biểu hiện sốt chiếm 27,6%, bệnh nhân bị viêm mũi xoang thường cảm thấy mệt mỏi (69,0%). Số liệu trên tương tự với nghiên cứu về đặc điểm lâm sàng viêm mũi xoang của Võ Văn Khoa [7].

c. Triệu chứng thực thể

Theo Võ Thanh Quang [9], ấn điểm hốc nanh đau trong viêm xoang hàm, điểm Ewing đau trong viêm xoang trán và điểm Grunwald ấn đau gặp trong viêm xoang sàng trước. Trong nghiên cứu, thường gặp bệnh nhân có đau khi ấn điểm hốc nanh với 41/58 bệnh nhân (70,7%), ấn đau điểm Ewing là 51,7%; điểm Gruwald là 37,9%. Có 20,7% bệnh nhân biểu hiện sưng nề má 2 bên.

5. Kết luận

Viêm mũi xoang mạn tính ở người lớn gặp ở nhiều lứa tuổi, với tỉ lệ nam:nữ là 1,1:1. Bệnh kéo dài từ nhiều tháng đến hàng năm với nhiều triệu chứng, trong đó chảy mũi và ngạt tắc mũi là 2 lý do thường gặp khiến bệnh nhân vào viện. Tiền sử mắc các bệnh lý liên quan: viêm mũi dị ứng (20,7%); hen phế quản (15,5%); trào ngược dạ dày thực quản (10,3%), thói quen hút thuốc lá (32,8%).

Các triệu chứng cơ năng điển hình nhất của viêm mũi xoang mạn tính là chảy mũi (100%), ngạt mũi (100%), rối loạn ngủ (81,0%), đau nhức sọ mặt (69,0%) và ho, hắt hơi (70,9%) với tính chất khác nhau trên từng bệnh nhân. Ngoài ra, bệnh có thể kèm theo các dấu hiệu toàn thân như: mệt mỏi (69%), sốt (27,6%), suy nhược (6,9%). Triệu chứng thực thể thường gặp là sưng nề má 2 bên (20,7%), ấn đau các điểm hốc nanh (70,7%), điểm Ewing (51,7%), điểm Gruwald (37,9%).

Tài liệu tham khảo

- [1] W. Fokkens, V. Lund, J. Mullol, European position paper on rhinosinusitis and nasal polyps 2012, *Rhinology* 2012 (2012), 5-216.
- [2] B.V. Te, B.T.X. Nga, N.V.M. Nhan, The correlation between sinus endoscopy and CTscan in chronic sinusitis, Proceedings of scientific conference An Giang Hospital, Department of Otolaryngology, October 2013 (2013), pp. 129-137 (in Vietnamese).
- [3] P.K. Hoa, Chronic rhinitis, *Otolaryngology (Used for training general doctors)*, Vietnam Education Publishing (2012), pp. 61-64 (in Vietnamese).
- [4] T.T.H. Loan, Chronic sinusitis and current antibiotic resistance, Thesis graduated from general doctor, Hanoi Medical University (2003), p. 53 (in Vietnamese),
- [5] N.D. Bang, H. K. Cuong, N.V. Cong, Effective prevention of recurrent sinus polyps after laparoscopic surgery with high-dose steroid injections, *Thematic eyes – Otolaryngology* (2009), pp. 68-75 (in Vietnamese).
- [6] Đ.T. Lan, Study on clinical, subclinical characteristics and evaluate the results of treatment of chronic sinusitis in adults without nasal polyps according to EPOS 2012, Master's thesis in medicine, Hanoi Medical University (2013). (in Vietnamese).
- [7] V.V. Khoa, Study on clinical and histopathological characteristics in chronic sinusitis, Doctor of Medicine thesis, Hanoi Medical University (2000). (in Vietnamese).
- [8] V.T. Quang, Research, diagnose and treat chronic sinusitis through endoscopic sinusoscopy, Doctor of Medicine thesis, Hanoi Medical University (2004). (in Vietnamese).
- [9] V.T. Quang, *Otorhinorarynology textbook*, Vietnam National University Press, Hanoi (2012). (in Vietnamese).